



Số: 185/ CV-BCTC-DHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên đơn vị: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Mã chứng khoán: DHT

Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Phường Hà Đông – TP. Hà Nội

Điện thoại: 0433 501 117 – Fax: 0433 829 054

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ngô Văn Chinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 là 59.040.456.661 đồng so với tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 là 75.194.063.435 đồng, chênh lệch giảm 16.153.606.774 đồng tương ứng giảm 21,48% do:

- Chi phí bán hàng năm 2025 là 36.607.550.186 đồng so với chi phí bán hàng năm 2024 là 30.073.124.462 đồng, chênh lệch tăng 6.534.425.724 đồng tương ứng tăng 21,73%;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 là 131.870.702.998 đồng so với chi phí QLDN năm 2024 là 113.232.711.497 đồng, chênh lệch tăng 18.637.991.501 đồng tương ứng tăng 16,46%.

Vậy Công ty xin báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Tổng giám đốc

DS. Lê Xuân Thắng

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Lê Anh Trung	Phó chủ tịch
Bà Lê Việt Linh	Thành viên
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên
Ông Hiroyasu Nishioska	Thành viên
Ông Keisuke Oshio	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Lê Xuân Thắng

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Số: 1403.01-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/3/2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Hồng Vân
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		896.739.416.323	924.861.085.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	84.336.751.569	90.269.672.873
1 Tiền	111		74.036.751.569	70.269.672.873
2 Các khoản tương đương tiền	112		10.300.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000.000	90.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	150.000.000.000	90.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.005.705.207	192.360.480.643
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	111.636.095.800	127.407.266.728
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	37.840.076.173	59.380.091.165
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.410.678.728	8.884.273.984
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(3.881.145.494)	(3.311.151.234)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	513.396.959.547	527.935.214.966
1 Hàng tồn kho	141		513.396.959.547	529.896.264.717
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.961.049.751)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	24.295.717.410
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	23.664.448.196
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15	-	631.269.214
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.035.177.856.096	1.001.444.167.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.407.042.500	-
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	6.407.042.500	-
II. Tài sản cố định	220		174.908.301.066	187.367.778.307
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	173.531.641.066	185.991.118.307
- Nguyên giá	222		446.492.048.355	438.444.729.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(272.960.407.289)	(252.453.611.155)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.09	1.376.660.000	1.376.660.000
- Nguyên giá	228		2.026.660.000	2.026.660.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(650.000.000)	(650.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		827.184.318.661	790.109.801.102
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	827.184.318.661	790.109.801.102
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	19.860.292.957	19.335.631.790
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.860.292.957	19.335.631.790
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.817.900.912	4.630.955.915
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5.632.174.250	4.630.955.915
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.185.726.662	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.931.917.272.419	1.926.305.253.006

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		820.716.628.095	869.544.931.289
I. Nợ ngắn hạn	310		734.022.780.548	767.752.475.817
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	261.260.793.034	235.206.963.747
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	177.983.077.668	131.593.255.879
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.515.053.039	6.057.330.629
4 Phải trả người lao động	314		28.051.603.241	15.735.720.457
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	161.520.303	162.743.579
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	6.418.086.306	909.298.387
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	783.924.677	608.008.522
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	249.995.403.408	373.273.974.867
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.853.318.872	4.205.179.750
II. Nợ dài hạn	330		86.693.847.547	101.792.455.472
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.18	3.625.600.000	4.879.500.000
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	83.068.247.547	96.912.955.472
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.111.200.644.324	1.056.760.321.717
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.111.200.644.324	1.056.760.321.717
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		905.755.510.000	823.417.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		905.755.510.000	823.417.730.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		37.282.220.000	97.320.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.612.306.630	26.612.306.630
4 Cổ phiếu quỹ	415		(8.083.874.357)	(8.083.874.357)
5 Quỹ đầu tư phát triển	418		10.749.248.213	10.749.248.213
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.355.967.042	79.530.817.489
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		56.699.133.435	47.855.748.037
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		53.656.833.607	31.675.069.452
7 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.529.266.796	27.214.093.742
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.931.917.272.419	1.926.305.253.006

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Hoàng Văn Tuế



Lê Xuân Thắng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.402.749.241.489	2.087.096.726.853
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	709.049.230	743.902.240
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	2.402.040.192.259	2.086.352.824.613
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.192.851.071.656	1.866.534.425.409
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		209.189.120.603	219.818.399.204
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	30.213.306.880	19.543.979.095
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	19.808.001.279	20.128.937.334
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.056.306.308	13.449.114.864
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		7.388.910.800	6.756.010.720
9 Chi phí bán hàng	25	VI.9	36.607.550.186	30.073.124.462
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	131.870.702.998	113.232.711.497
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		58.505.083.820	82.683.615.726
12 Thu nhập khác	31	VI.7	15.684.061.260	13.745.762.236
13 Chi phí khác	32	VI.8	879.677.350	1.207.631.687
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.804.383.910	12.538.130.549
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		73.309.467.730	95.221.746.275
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	15.454.737.731	20.027.682.840
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	(1.185.726.662)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		59.040.456.661	75.194.063.435
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		53.656.833.607	71.771.819.452
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		5.383.623.054	3.422.243.983
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	645,11	871,65

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Hoàng Văn Tuế



Lê Xuân Thắng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		73.309.467.730	95.221.746.275
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		24.143.497.612	20.480.691.356
- Các khoản dự phòng	03		(1.391.055.491)	(462.529.106)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(303.256)	1.287.018.069
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.385.324.711)	(14.478.467.287)
- Chi phí lãi vay	06		13.056.306.308	13.449.114.864
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		88.732.588.192	115.497.574.171
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.426.030.655	28.971.917.342
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.499.305.170	(149.026.811.511)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		88.467.613.340	67.274.241.651
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.001.218.335)	(2.121.335.627)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.107.293.084)	(13.417.249.703)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.974.594.107)	(18.894.376.153)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(323.119.766)	(325.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		225.719.312.065	27.958.910.170
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(48.758.537.930)	(143.131.809.330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		126.336.364	150.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(220.000.000.000)	(230.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		160.000.000.000	240.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		8.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.103.307.134	7.214.538.702
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(94.528.894.432)	(125.767.270.628)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		648.788.163.622	746.915.115.047
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(785.911.443.006)	(780.428.609.980)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(80.193.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(137.123.279.384)	(113.706.994.933)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.932.861.751)	(211.515.355.391)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		90.269.672.873	301.790.483.392
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(59.553)	(5.455.128)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	84.336.751.569	90.269.672.873

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CP ĐƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hoàng Văn Tuế

Lê Xuân Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911/QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 26 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 thay đổi lần thứ 26 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2025 thì vốn điều lệ của Công ty tăng lên thành **905.755.510.000 đồng (Chín trăm linh năm tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm mười nghìn đồng./.)**.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DHT.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối thuốc, nguyên vật liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam;
- Thực hiện quyền phân phối bán buôn thuốc và nguyên liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam; Bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc cho cơ sở bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo khoản 10 điều 91 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định của pháp luật (không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và lúa gạo, đường mía, đường củ cải)/.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn**a/ Thông tin về các đơn vị hạch toán báo sổ của Công ty:**

- | | |
|--|--|
| 1. Chi nhánh Dược phẩm số 1 | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 2. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An | - Địa chỉ: Số 80 Đường Nguyễn Trãi, Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An, Việt Nam |
| 3. Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì | - Địa chỉ: Số 406, đường Quảng Oai, xã Quảng Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- | | |
|--|---|
| 4. Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín | - Địa chỉ: Số 251 phố Ga, Xã Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 5. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức | - Địa chỉ: Số 92 đội 3, Thôn Tế Tiêu, Xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 6. Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng | - Địa chỉ: Số nhà 2, đường 422, Khu 6, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 7. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình | - Địa chỉ: Lô 13, tổ 22, đường Đốc Đen, khu tái định cư, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam |
| 8. Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên | - Địa chỉ: Tiểu khu Mỹ Lâm, xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 9. Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây | - Địa chỉ: Số 122, Lê Lợi, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 10. Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai | - Địa chỉ: Đường phố Huyện, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 11. Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa | - Địa chỉ: Số 96, xóm Hồng Phong, thôn Hoàng Xá, xã Văn Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 12. Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai | - Địa chỉ: Số nhà 121, phố Kim Bài, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 13. Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất | - Địa chỉ: Đường 84, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 14. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |

b) Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty Cổ phần Dược thiết bị y tế Hà Tây | Địa chỉ: Số 10, ngõ 4, phố Xốm, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| | Hoạt động chính: Sản xuất thực phẩm chức năng và kinh doanh thiết bị y tế |
| | Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 50,63% |
| | Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 50,63% |

c) Thông tin chi tiết về Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

- | | |
|--|---|
| 1. Công ty TNHH Hataphar Miền Nam | Địa chỉ: Số 62 Trần Văn Giáp, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| | Hoạt động chính: Kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, máy và thiết bị dụng cụ y tế |
| | Tỷ lệ phần sở hữu: 48,28% |
| | Tỷ lệ quyền biểu quyết: 48,28% |
| 2. Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam | Địa chỉ: Số 80 Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| | Hoạt động chính: Kinh doanh và phân phối thuốc |
| | Tỷ lệ phần sở hữu: 49,00% |
| | Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49,00% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 586 người (Tại ngày 31/12/2024 là 780 người)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập tại ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất lâu dài tại số 62 Trần Văn Giáp, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí sửa chữa nhà xưởng; công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa các nhà xưởng là chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác: là chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong không quá 03 năm.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay được xác định căn cứ vào hợp đồng vay.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán (01/01/2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm thuốc, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là tiền thu từ cho thuê nhà, thu thanh lý tài sản cố định, thu cho thuê nhân công và các khoản thu nhập khác, được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê, hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, hóa đơn tài chính, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

19. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	74.036.751.569	70.269.672.873
Tiền mặt	5.265.522.207	13.278.124.220
Tiền gửi ngân hàng	68.771.229.362	56.991.548.653
Tiền gửi ngân hàng VND	68.646.493.402	56.759.111.855
Tiền gửi ngân hàng USD	113.685.066	224.301.351
Tiền gửi ngân hàng EUR	11.050.894	8.135.447
Các khoản tương đương tiền	10.300.000.000	20.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	10.300.000.000	20.000.000.000
Cộng	84.336.751.569	90.269.672.873

(*) Là các Hợp đồng tiền gửi không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Đông

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	80.000.000.000	80.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Đông (2)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (3)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000

- (1) Hợp đồng tiền gửi số 320/2025/21810 ngày 03/7/2025, số tiền 80 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 4,8%/năm, trả lãi cuối kỳ.
- (2) Bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 187/HĐTG/VAB-DHT ngày 08/8/2025, số tiền 10 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ và Hợp đồng tiền gửi số 245/HĐTG/VAB_DHT ngày 27/9/2025, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ.
- (3) Bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 1458888368019TGKH/TCB ngày 30/9/2025, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lại cuối kỳ và Hợp đồng tiền gửi số 1458888368027TGKH/TCB ngày 30/9/2025, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Điều chỉnh trong năm	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
				Điều chỉnh trong năm
				Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam (i)	700.000.000	124.961.667	824.961.667	700.000.000
Trường Cao đẳng Kỹ thuật y dược Hà Nội (ii)	-	-	-	3.287.565.579
Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam (iii)	2.450.000.000	16.585.331.290	19.035.331.290	2.450.000.000
Cộng	3.150.000.000	16.710.292.957	19.860.292.957	6.437.565.579
				12.898.066.211
				19.335.631.790

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 15/6/2017, Công ty đầu tư 700.000.000 VND vào Công ty TNHH Hataphar Miền Nam, tương đương 48,28% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 700.000.000 VND, tương đương 48,28% vốn điều lệ.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây số 875/NQ-DHT ngày 22/8/2023 thì Hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y Dược Hà Nội. Đến ngày 24/01/2025, chuyển nhượng phần vốn góp nêu trên đã hoàn tất. Theo đó, kể từ ngày 24/01/2025, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y Dược Hà Nội không còn là Công ty liên kết của Công ty.

(iii) Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam trả cổ tức bằng cổ phiếu, theo đó số lượng cổ phiếu của Công ty tại Công ty liên kết này tăng thêm 490.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ tương đương 980.000 cổ phiếu. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 11/6/2025 thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các Công ty liên kết chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

Tại thời điểm 31/12/2025, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	111.636.095.800	(3.881.145.494)	127.407.266.728	(3.311.151.234)
<i>- Trong đó một số khoản phải thu khách hàng có số dư lớn:</i>				
Công ty CP Dược vật tư Y tế Thành Vinh	148.639.650	-	1.309.526.370	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thuận Anh	5.779.512.102	-	9.454.374.467	-
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	40.103.925.920	-	63.375.349.280	-
Công ty CP Y dược Pháp Âu	892.019.757	-	1.450.206.484	-
Công ty TNHH Đức Tâm	2.739.541.083	-	868.896.298	-
Công ty CP Dược phẩm Vinh Gia	1.064.753.077	-	2.869.454.757	-
Công ty TNHH Trường Huy	2.969.374.918	-	4.119.196.070	-
Công ty CP Dược phẩm Hạnh Hà	-	-	4.821.708.418	-
Công ty CP Dược phẩm Vinaplant	6.973.025.318	-	5.131.474.842	-
Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	884.881.615	-	4.380.639.034	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Long	1.657.733.296	-	2.879.529.852	-
Bệnh viện Thành phố Thủ Đức	1.774.525.000	(1.671.860.000)	1.992.665.000	(1.722.334.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị T&T	9.799.671.420	-	837.406.953	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Life	1.738.670.425	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quang Cường	8.019.153.310	-	-	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
4. Trả trước cho người bán	37.840.076.173	59.380.091.165
a) Ngắn hạn		
<i>- Trong đó một số khoản trả trước cho người bán có số dư lớn:</i>		
Panpharma GMBH	-	13.154.807.906
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	1.830.521.186	1.709.103.940
XL Laboratories PVT.,LTD	-	18.931.343.957
Pharmametics products a division of max Biocare	2.573.704.006	3.043.217.797
Delta Pharma Ltd	7.846.059.364	5.145.850.347
Inbiotech l.t.d	6.997.520.425	-
Saifen Drugs Philippines Inc	2.840.549.628	-
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	3.384.715.680	2.455.710.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

5. Phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.410.678.728	-	8.884.273.984	-
<i>Phải thu khác</i>	3.279.702.417	-	2.059.376.373	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.116.239.427	-	1.979.397.260	-
Đối tượng khác	163.462.990	-	79.979.113	-
<i>Tạm ứng</i>	130.976.311	-	417.855.111	-
Hoàng Thị Minh Nguyệt	-	-	300.000.000	-
Các đối tượng khác	130.976.311	-	117.855.111	-
<i>Đặt cọc, ký quỹ</i>	-	-	6.407.042.500	-
Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc (*)	-	-	6.407.042.500	-
b) Dài hạn	6.407.042.500	-	-	-
<i>Đặt cọc, ký quỹ</i>	6.407.042.500	-	-	-
Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc (*)	6.407.042.500	-	-	-
Cộng	9.817.721.228	-	8.884.273.984	-

(*) Khoản ký quỹ cho Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc để đảm bảo thực hiện dự án "Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao Hataphar" được quy định tại Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 06/TTKQ ngày 27 tháng 11 năm 2020.

6. Nợ xấu	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	3.539.882.618	370.409.124	3.544.698.431	233.547.197
Bệnh viện quận Thủ Đức	1.774.525.000	102.665.000	1.866.065.000	143.731.000
Các đối tượng khác	1.765.357.618	267.744.124	1.678.633.431	89.816.197
<i>Trả trước cho người bán</i>	711.672.000	-	-	-
Công ty CP Giải pháp ERP	711.672.000	-	-	-
Cộng	4.251.554.618	370.409.124	3.544.698.431	233.547.197

7. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	127.357.336.205	-	65.940.100.079	-
Nguyên liệu, vật liệu	74.584.107.934	-	107.094.027.941	-
Công cụ, dụng cụ	342.444.153	-	543.682.370	-
Chi phí SXKD dở dang	9.735.832.625	-	1.838.766.875	-
Thành phẩm	23.437.595.070	-	43.390.614.449	(1.961.049.751)
Hàng hoá	277.939.643.560	-	311.089.073.003	-
Cộng	513.396.959.547	-	529.896.264.717	(1.961.049.751)

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2025	165.433.649.181	254.464.404.513	12.984.271.801	5.123.121.467	439.282.500	438.444.729.462
Mua trong năm	-	5.427.996.323	3.001.222.703	208.700.000	-	8.637.919.026
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.046.101.345	-	-	-	-	3.046.101.345
Thanh lý, nhượng bán	-	(770.114.703)	(1.986.152.251)	(880.434.524)	-	(3.636.701.478)
Số dư ngày 31/12/2025	168.479.750.526	259.122.286.133	13.999.342.253	4.451.386.943	439.282.500	446.492.048.355
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2025	94.621.095.499	144.365.098.744	8.258.164.805	4.769.969.606	439.282.500	252.453.611.155
Khấu hao trong năm	7.242.453.484	15.988.518.647	831.549.251	80.976.230	-	24.143.497.612
Thanh lý, nhượng bán	-	(770.114.703)	(1.986.152.251)	(880.434.524)	-	(3.636.701.478)
Số dư ngày 31/12/2025	101.863.548.983	159.583.502.688	7.103.561.805	3.970.511.312	439.282.500	272.960.407.289
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	70.812.553.682	110.099.305.769	4.726.106.996	353.151.861	-	185.991.118.307
Tại ngày 31/12/2025	66.616.201.543	99.538.783.445	6.895.780.448	480.875.631	-	173.531.641.066

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 164.095.739.856 VND (Tại ngày 31/12/2023: 167.628.149.698 VND)

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2025	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Số dư ngày 31/12/2025	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2025	650.000.000	-	650.000.000
Số dư ngày 31/12/2025	650.000.000	-	650.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	-	1.376.660.000	1.376.660.000
Tại ngày 31/12/2025	-	1.376.660.000	1.376.660.000
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 650.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2024: 650.000.000 VND).			

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án Nhà máy dược phẩm công nghệ cao Hataphar (*)	807.746.227.200	783.197.217.350
Chi phí thẩm định AQP	1.277.777.778	-
Mua sắm tài sản cố định	925.925.926	-
Cải tạo nhà máy	2.674.508.863	-
Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm thuốc	14.559.878.894	6.912.583.752
Cộng	827.184.318.661	790.109.801.102

(*) Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar được thực hiện theo quyết định số 163/QĐ-CNCHL ngày 07/10/2020. Dự án có diện tích 45.188 m2 nằm tại Lô CN1-03A-1, CN1-03A-2, CN1-03A-3, khu công nghiệp công nghệ cao 1, khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Thát, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư là 1.283 tỷ đồng. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là: Nhà văn phòng và trung tâm nghiên cứu; Nhà xưởng sản xuất công nghệ chiết suất siêu tới hạn; Nhà xưởng sản xuất thuốc chứa hormone; Nhà xưởng sản xuất thuốc theo công nghệ nano; và Nhà kho trung tâm. Dự án được chia thành 04 giai đoạn, toàn bộ Dự án vào vận hành đồng bộ trong quý IV/2027. Tính đến thời điểm lập báo cáo, dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bàn giao.

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.465.920.534	1.378.549.737
Chi phí cải tạo sửa chữa	2.858.499.091	3.228.447.845
Chi phí trả trước khác	307.754.625	23.958.333
Cộng	5.632.174.250	4.630.955.915

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.185.726.662	-
Cộng	1.185.726.662	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	261.260.793.034	261.260.793.034	235.206.963.747	235.206.963.747
<i>- Trong đó một số khoản phải trả người bán có số dư lớn:</i>				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	3.979.856.644	3.979.856.644	3.907.753.067	3.907.753.067
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	5.817.834.883	5.817.834.883	11.392.041.393	11.392.041.393
KPC Pharmaceuticals, Inc	19.025.983.320	19.025.983.320	18.745.888.869	18.745.888.869
Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisa pharma S.P.A	-	-	24.197.333.026	24.197.333.026
XL Laboratories PVT.,LTD	22.359.757.441	22.359.757.441	16.837.250.486	16.837.250.486
Pharmaunity Co.,Ltd	13.349.510.483	13.349.510.483	33.987.410.018	33.987.410.018
Gracure Pharmaceuticals Limited	-	-	12.949.962.228	12.949.962.228
Delta Pharma Ltd	35.828.249.950	35.828.249.950	-	-
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	40.758.864.060	40.758.864.060	-	-

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

14. Người mua trả tiền trước	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	177.983.077.668	131.593.255.879
<i>- Trong đó một số khoản người mua trả tiền trước có số dư lớn:</i>		
Công ty CP Thiết bị T&T	790.000.000	6.556.194.866
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm T&T	6.442.145.755	2.779.357.780
Công ty CP Kinh doanh thương mại Tân Trường Sinh	-	2.911.479.920
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	10.784.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Bảo Ngân	-	10.735.707.200
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	2.502.291.750	31.178.516.478
Công ty TNHH Thương mại Dược TB Việt Nam	49.761.555.583	24.495.082.359
Công ty CP Dược phẩm Vietlife	3.117.958.640	3.722.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	8.045.259.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Lâm An	6.509.000.000	11.700.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Đại Cát	-	3.409.598.360
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Life	7.278.056.310	21.569.500
Công ty TNHH Sinh dược phẩm Đại Sông Dương	9.028.478.251	1.993.438.216
Công ty TNHH Dược phẩm California USA	5.753.424.645	2.727.399.751
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pháp	28.976.548.644	2.850.000.000

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	6.639.831	6.713.460.047	5.878.955.871	841.144.007
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	84.672.283.431	84.672.283.431	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.070.076.715	15.454.737.731	15.974.594.107	4.550.220.339
Thuế Thu nhập cá nhân	980.614.083	3.475.156.759	4.332.082.149	123.688.693
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.089.131.568	4.089.131.568	-
Thuế tài nguyên	-	25.176.480	25.176.480	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	50.456.000	50.456.000	-
Cộng	6.057.330.629	114.480.402.016	115.022.679.606	5.515.053.039
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	622.855.829	622.855.829	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	8.413.385	12.255.191.187	12.246.777.802	-
Cộng	631.269.214	12.255.191.187	12.246.777.802	-
16. Chi phí phải trả			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
Ngắn hạn				
Trích trước lãi vay phải trả			161.520.303	162.743.579
Cộng			161.520.303	162.743.579
17. Doanh thu chưa thực hiện			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
Ngắn hạn				
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê nhà và địa điểm			575.370.229	909.298.387
Doanh thu chưa thực hiện tương ứng với Hàng tồn kho của bán ra ngoài của Công ty Liên kết trong giao dịch bán hàng nội bộ			5.842.716.077	-
Cộng			6.418.086.306	909.298.387
18. Các khoản phải trả, phải nộp khác			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
a) Ngắn hạn			783.924.677	608.008.522
Các khoản bảo hiểm phải trả			592.397.733	564.338.463
Các khoản phải trả, phải nộp khác			191.526.944	43.670.059
b) Dài hạn			3.625.600.000	4.879.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			3.625.600.000	4.879.500.000
Cộng			4.409.524.677	5.487.508.522

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

19. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	249.995.403.408	249.995.403.408	662.632.871.547	785.911.443.006	373.273.974.867	373.273.974.867
Vay ngắn hạn	236.150.695.483	236.150.695.483	648.788.163.622	772.066.735.081	359.429.266.942	359.429.266.942
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	30.495.815.849	30.495.815.849	129.386.339.310	243.328.986.143	144.438.462.682	144.438.462.682
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (2)	62.312.611.959	62.312.611.959	179.730.674.158	217.502.558.858	100.084.496.659	100.084.496.659
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (3)	52.050.860.989	52.050.860.989	138.615.055.744	142.161.247.671	55.597.052.916	55.597.052.916
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh (4)	24.409.904.245	24.409.904.245	124.649.981.402	117.418.304.819	17.178.227.662	17.178.227.662
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội 2 (5)	20.833.350.869	20.833.350.869	45.577.945.149	24.744.594.280	-	-
Vay cá nhân (6)	46.048.151.572	46.048.151.572	30.828.167.859	26.911.043.310	42.131.027.023	42.131.027.023
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925
b) Vay dài hạn	83.068.247.547	83.068.247.547	-	13.844.707.925	96.912.955.472	96.912.955.472
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	83.068.247.547	83.068.247.547	-	13.844.707.925	96.912.955.472	96.912.955.472
Cộng	333.063.650.955	333.063.650.955	662.632.871.547	799.756.150.931	470.186.930.339	470.186.930.339

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 3110/2025-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 31/10/2025, hạn mức cho vay 300 tỷ đồng (đã bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cấp tín dụng số 2209/2024-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 22/09/2024), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng/giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân khoản vay; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/10/2026; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/25/QLN/HM/VCBTHN ngày 06/02/2025 đính kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 04/25/QLN/CTD/VCBTHN ngày 06/02/2025, hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 04/25/QLN/HMLC/VCBTHN ngày 06/02/2025, thỏa thuận bảo lãnh cấp tín dụng theo hạn mức số 04/25/QLN/HMBL/VCBTHN ngày 06/02/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 04/4/2025, hạn mức cho vay 200 tỷ đồng (bao gồm cả hạn mức của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 37/23/QLN/HM/VCBTHN ngày 17/10/2023), mục đích vay để tài trợ các nhu cầu vay vốn ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 05 tháng; thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc hết hạn ngày 19/02/2026 tùy theo trường hợp nào đến trước; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 130002065517 ngày 16/08/2019 và phụ lục gia hạn - sửa đổi bổ sung số 130002065517/11 ngày 16/8/2025 gia hạn hạn mức đến ngày 15/08/2026, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: đối với trường hợp lãi suất cố định cho khoản vay áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời hạn cho vay theo mức lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay, trường hợp lãi suất điều chỉnh: áp dụng mức lãi suất tham chiếu MFC 3 tháng cộng (+) Biên độ 0,74%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần trong suốt thời hạn cho vay; thời hạn mỗi khoản tín dụng trong hạn mức quy định trong từng lần nhận nợ nhưng không vượt quá 05 tháng/khế ước nhận nợ; thời hạn cấp tín dụng là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/177578/HĐTD ngày 10/6/2025; hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 200 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 1505-LAV-202500773 ngày 02/7/2025 và Phụ lục số 01 ngày 03/7/2025, hạn mức cho vay 30 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay và thanh toán LC bằng vốn vay; bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2025-2026; lãi suất cho vay áp dụng lãi suất biến đổi theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ; thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng không quá 06 tháng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay dưới 12 tháng; lãi suất từ 0,033%/tháng đến 0,4%/tháng.
- (7) Hợp đồng tín dụng dài hạn số FL/053/22 ngày 02/8/2022, thỏa thuận sửa đổi số 02 ngày 17/01/2023, thỏa thuận sửa đổi số 03 ngày 27/12/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số FL/053/22 ngày 02/8/2022, hạn mức tín dụng không vượt quá 235 tỷ đồng, thời hạn vay đến 31/12/2032. Mục đích vay để sử dụng cho Đầu tư Tài sản cố định/Xây dựng nhà máy và không sử dụng cho mục đích nào khác. Lãi suất cụ thể cho kỳ tính lãi đầu tiên được nêu trong Đề nghị rút vốn tạo thành một phần không tách rời của các đề nghị đó sẽ có giá trị ràng buộc hai bên kể từ thời điểm Ngân hàng và Khách hàng đồng ý về mức lãi suất đó (dù bằng lời nói hoặc cách nào khác), mức lãi suất cụ thể và các điều khoản khác của các khoản rút vốn sau đó sẽ được ghi lại bằng chứng trong một thông báo "Thông báo khoản vay" được Ngân hàng gửi cho Khách hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng thư bảo lãnh do Aska Pharmaceutical Holdings Co., Ltd phát hành ngày 02/8/2022. Đợt hoàn trả đầu tiên liên quan đến một khoản Rút vốn sẽ được thực hiện vào ngày làm việc cuối cùng của tháng 12 năm 2025, các đợt hoàn trả tiếp theo sẽ được thực hiện 12 tháng một lần.

b) Vay là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Chủ sở hữu	Chủ sở hữu							
Số dư tại ngày 01/01/2024	823.417.730.000	823.417.730.000	97.320.000.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	10.749.248.213	88.257.122.317	28.877.412.259	1.067.149.945.062
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	71.771.819.452	-	71.771.819.452
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	-	-	(40.096.750.000)	-	(40.096.750.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024	-	-	-	-	-	-	(40.096.750.000)	-	(40.096.750.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(304.624.280)	(1.663.318.517)	(1.967.942.797)
Số dư tại ngày 31/12/2024	823.417.730.000	823.417.730.000	97.320.000.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	10.749.248.213	79.530.817.489	27.214.093.742	1.056.760.321.717
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần (1)	60.037.780.000	60.037.780.000	(60.037.780.000)	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1)	22.300.000.000	22.300.000.000	-	-	-	-	(22.300.000.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	53.656.833.607	5.383.623.054	59.040.456.661
Giảm do chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	(4.068.450.000)	(4.068.450.000)
Giảm khác (3)	-	-	-	-	-	-	(531.684.054)	-	(531.684.054)
Số dư tại ngày 31/12/2025	905.755.510.000	905.755.510.000	37.282.220.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	10.749.248.213	110.355.967.042	28.529.266.796	1.111.200.644.324

(1) Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nâng vốn điều lệ từ 823.417.730.000 đồng lên 905.755.510.000 đồng. Đợt tăng vốn được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 693/NQ-DHT ngày 17/9/2025 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 707/NQ-DHT ngày 24/9/2025. Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 819/BC-DHT ngày 30/10/2025 của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.233.778 cổ phiếu cho 955 cổ đông, tỷ lệ thực hiện quyền 10:1. Công ty đã nhận được công văn số 7157/UBCK-QLCB ngày 06/11/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây và công văn số 15186/VSDC-ĐKCP.NV ngày 13/11/2025 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thông báo xác nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại VSDC và Quyết định số 1389/QĐ-SGDHN ngày 25/11/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty

(2) Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm do Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2025 ứng với tỷ lệ của Cổ đông không kiểm soát

(3) Giảm khác trên Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ chi thường ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024 ứng với tỷ lệ của Cổ đông không kiểm soát

(*): Giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trước ngày 01/7/2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội	34.076.520.000	30.978.660.000
ASKA Pharmaceutical Co., Ltd	362.727.620.000	321.810.390.000
Lê Văn Lớ	50.819.900.000	46.199.910.000
Ngô Văn Chinh	22.195.920.000	20.178.110.000
Hoàng Văn Tuế	36.153.210.000	32.866.560.000
Lê Việt Linh	57.441.840.000	52.219.860.000
Nguyễn Thị Minh Hậu	1.725.100.000	1.568.280.000
Lê Anh Trung	33.718.720.000	30.653.390.000
Lê Xuân Thắng	35.205.290.000	32.004.810.000
Ngô Tuấn Việt	5.500.000.000	5.000.000.000
Các cổ đông khác	266.191.390.000	249.937.760.000
Cộng	905.755.510.000	823.417.730.000

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	905.755.510.000	823.417.730.000
Vốn góp đầu năm	823.417.730.000	823.417.730.000
Vốn góp tăng trong năm	82.337.780.000	-
Vốn góp cuối năm	905.755.510.000	823.417.730.000
Cổ tức, lợi nhuận, cổ phiếu thưởng đã chia	82.337.780.000	80.193.500.000

20.4 Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	90.575.551	82.341.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.575.551	82.341.773
- Cổ phiếu phổ thông	90.575.551	82.341.773
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.513	1.513
- Cổ phiếu phổ thông	1.513	1.513
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.574.038	82.340.260
- Cổ phiếu phổ thông	90.574.038	82.340.260
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

20.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	4.387,44	8.883,21
EURO (EUR)	365,98	311,93

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	661.599.555.250	756.020.261.840
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.741.149.686.239	1.331.076.465.013
Cộng	2.402.749.241.489	2.087.096.726.853

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	709.049.230	743.902.240
Cộng	709.049.230	743.902.240

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	660.890.506.020	755.276.359.600
Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	1.741.149.686.239	1.331.076.465.013
Cộng	2.402.040.192.259	2.086.352.824.613

4. Giá vốn bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	484.072.549.371	569.300.425.427
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	1.706.930.759.277	1.296.980.206.502
Chi phí khấu hao TSCĐ dưới công suất	1.091.537.370	-
Chi phí xử lý hàng tồn kho	756.225.638	253.793.480
Cộng	2.192.851.071.656	1.866.534.425.409

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.240.149.301	7.572.456.567
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư	4.712.434.421	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	14.521.129.398	9.482.420.643
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.739.290.504	2.015.910.011
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	303.256	-
Doanh thu tài chính khác	-	473.191.874
Cộng	30.213.306.880	19.543.979.095

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	13.056.306.308	13.449.114.864
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.738.624.571	4.534.476.761
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	1.287.018.069
Chi phí tài chính khác	13.070.400	858.327.640
Cộng	19.808.001.279	20.128.937.334

b) Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**7. Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ cho thuê địa điểm	13.736.476.277	11.079.959.386
Thu thanh lý tài sản cố định	126.336.364	150.000.000
Thu nhập khác	1.821.248.619	2.515.802.850
Cộng	15.684.061.260	13.745.762.236

8. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	326.445.431	1.008.473.031
Thuế GTGT không được khấu trừ	553.224.714	-
Các khoản chi phí khác	7.205	199.158.656
Cộng	879.677.350	1.207.631.687

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	36.607.550.186	30.073.124.462
Chi phí nhân viên bán hàng	20.554.314.764	18.052.846.102
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	836.006.359	305.846.061
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	89.106.503	106.833.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	607.104.363	491.233.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.029.844.427	946.433.279
Chi phí bằng tiền khác	12.491.173.770	10.169.932.495
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	132.213.213.553	113.789.226.688
Chi phí nhân viên quản lý	57.019.471.380	48.829.869.107
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	4.369.827.213	4.255.469.897
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	9.108.783.138	6.071.379.803
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.540.644.211	2.081.894.153
Thuế, phí, lệ phí	2.025.468.603	3.932.787.208
Chi phí dự phòng	912.504.815	93.986.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.247.135.653	13.792.508.276
Chi phí bằng tiền khác	34.989.378.540	34.731.332.159
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(342.510.555)	(556.515.191)
Hoàn lập dự phòng phải thu khó đòi	(342.510.555)	(556.515.191)
Cộng	168.478.253.184	143.305.835.959

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	370.897.524.299	419.434.245.464
Chi phí nhân công	108.849.000.080	101.091.404.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.143.497.612	20.480.691.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.699.397.197	15.998.278.727
Chi phí khác bằng tiền	83.274.165.326	82.642.911.517
Cộng	619.863.584.514	639.647.531.777

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	15.454.737.731	18.149.178.799
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	1.878.504.041
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.454.737.731	20.027.682.840

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.185.726.662)	-
Tổng cộng	(1.185.726.662)	-

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.656.833.607	71.771.819.452
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.656.833.607	71.771.819.452
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	83.174.917	82.340.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	645,11	871,65

(*) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu nêu trên chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:		
Tăng vốn góp chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	82.337.780.000	-
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	648.788.163.622	746.915.115.047

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	785.911.443.006	780.428.609.980
--	-----------------	-----------------

VIII. Những thông tin khác

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh và ký hợp đồng thuê đất với Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc nhằm mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Hataphar Miền Nam
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam
Ông Lê Văn Lớ
Ông Hiroyasu Nishioka
Ông Keisuke Oshio
Ông Lê Xuân Thắng
Ông Nguyễn Bá Lai
Ông Ngô Tuấn Việt
Ông Hoàng Văn Tuế
Ông Lê Anh Trung
Bà Lê Việt Linh
Ông Ngô Văn Chính
Ông Nguyễn Hà Đệ
Ông Kazuhiro Chiku
Ông Đặng Đình Dự

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT
Phó Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT
Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 14/4/2025)
Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 14/4/2025)

3.1 Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Bán hàng		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	210.787.958.774	285.007.170.521
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	327.272.728	327.272.728
b) Mua hàng		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	94.050.712.932	95.246.246.657

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Chiết khấu thanh toán nhận được

Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	3.169.289.603	2.512.699.474
---	---------------	---------------

d) Vay trong năm

Ông Lê Văn Lớ	16.545.585.593	14.859.297.825
Ông Nguyễn Bá Lai	1.000.000.000	565.769.684
Ông Hoàng Văn Tuế	958.000.000	980.400.000

e) Trả vay trong năm

Ông Lê Văn Lớ	1.418.528.000	48.784.382.000
Ông Lê Văn Lớ	120.000.000	26.884.472.000
Ông Nguyễn Bá Lai	-	560.061.000
Ông Lê Xuân Thắng	-	4.730.535.000
Ông Hoàng Văn Tuế	1.298.528.000	3.201.291.000
Ông Lê Anh Trung	-	4.319.271.000
Bà Lê Việt Linh	-	7.123.350.000
Ông Ngô Văn Chính	-	1.965.402.000

f) Chi phí lãi vay

Ông Lê Văn Lớ	1.076.358.026	876.118.909
Ông Nguyễn Bá Lai	144.885.488	165.025.063
Ông Lê Xuân Thắng	-	575.548.425
Ông Hoàng Văn Tuế	49.173.038	411.092.351
Ông Lê Anh Trung	20.892.671	546.890.518
Bà Lê Việt Linh	-	643.690.650
Ông Ngô Văn Chính	-	239.123.910

3.2 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Phải thu của khách hàng		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	40.103.925.920	63.375.349.280
b) Trả trước cho người bán		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	1.830.521.186	1.709.103.940
c) Phải trả người bán		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	5.817.834.883	11.392.041.393
d) Vay ngắn hạn		
Ông Lê Văn Lớ	24.326.171.582	7.900.585.989
Ông Nguyễn Bá Lai	3.000.000.000	2.000.000.000
Ông Hoàng Văn Tuế	639.872.000	980.400.000
Ông Lê Anh Trung	429.301.455	429.301.455

3.3 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch HĐQT	1.707.831.800	1.828.616.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ông Hiroyasu Nishioka	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Keisuke Oshio	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.568.722.660	1.672.005.700
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc	1.377.549.400	1.448.247.000
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT	1.469.571.100	1.574.217.600
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.477.838.260	1.572.057.400
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/3/2024)	935.096.600	903.965.400
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT	1.336.619.760	1.417.625.500
Ông Ngô Văn Chính	Trưởng Ban kiểm soát	1.226.640.400	1.340.066.900
Ông Nguyễn Hà Đệ	Thành viên Ban kiểm soát	459.155.600	430.809.000
Ông Kazuhiro Chiku	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 14/4/2025)	-	-
Ông Đặng Đình Dự	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 14/4/2025)	-	452.255.300
Cộng		11.559.025.580	12.639.866.200

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuế

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Lê Xuân Thắng